

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HOÀNG TRUNG THẮNG

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
CHO SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục
Mã số: 9140102

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

THÁI NGUYÊN - 2022

Công trình được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS Nguyễn Văn Lê

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường
Hợp tại trường **ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**
Vào hồi giờ ngày tháng năm 2022

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia;
- Trung tâm Số - Đại học Thái Nguyên;
- Thư viện Trường Đại học sư phạm.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

1. Hoàng Trung Thắng (2015), "Liên kết các lực lượng nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên các trường đại học sư phạm", *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, tr.166-167.
2. Hoàng Trung Thắng, Vũ Thị Phương Thảo (2017), "Kết hợp giữa phương thức đào tạo truyền thống với phương thức đào tạo trực tuyến nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên các trường đại học sư phạm", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, tr.209-212.
3. Hoàng Trung Thắng, Vũ Thị Phương Thảo (2018), "Chuẩn hóa bài lên lớp của giảng viên theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học sư phạm", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, tr.192-195.
4. Hoàng Trung Thắng (2019), "Phát triển năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Lào qua giảng dạy học phần Giáo dục học ở Trường đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, tr.344-347.
5. Hoàng Trung Thắng, Vũ Thị Phương Thảo (2021), "Xây dựng môi trường văn hoá giáo dục để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường đại học sư phạm khu vực miền núi phía Bắc", *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, số 253 kỳ 2 tháng 11 năm 2021, tr.107-109.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số (DTTS) luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và nhà nước ta. Trong đó phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ giáo viên người DTTS được coi là một giải pháp quan trọng để phát triển nguồn nhân lực các DTTS.

Giáo viên người DTTS là người hiểu sâu sắc ngôn ngữ, phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá, thói quen sinh hoạt, v.v... của dân tộc mình, hiểu sâu sắc đặc điểm riêng của học sinh các DTTS - đó là yếu tố không thể thiếu để thực hiện tốt các hoạt động dạy học, giáo dục ở vùng DTTS.

Thực tế cho thấy việc đào tạo giáo viên còn nhiều bất cập, sinh viên ra trường còn yếu về năng lực; chưa có chương trình đào tạo phù hợp với đối tượng sinh viên DTTS.

Hiện nay khi chương trình giáo dục phổ thông theo hướng đổi mới đã ban hành và triển khai, hơn nữa trong đó còn quan tâm tới nội dung giáo dục mang tính địa phương thì việc phát triển NLNNGV cho sinh viên dân tộc thiểu số (SVDTTS) càng có ý nghĩa quan trọng hơn vì chính họ sau khi tốt nghiệp sẽ là những người trực tiếp thực hiện công tác giáo dục ở vùng DTTS.

Với tỷ lệ cao sinh viên là người DTTS, công tác đào tạo giáo viên trong các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc có những đặc điểm độc đáo so với các cơ sở đào tạo giáo viên ở các vùng miền khác đó là sự đa dạng về văn hoá của đối tượng đào tạo và môi trường hành nghề sau khi tốt nghiệp của sinh viên.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về phát triển NLNN cho giáo viên và sinh viên sư phạm, song chưa có công trình nào nghiên cứu phát triển NLNNGV cho SVDTTS.

Từ những vấn đề trên, chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: **“Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Phát triển NLNNGV cho SVDTTS ở các trường đại học nhằm nâng cao chất lượng giáo viên người DTTS đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, cũng như yêu cầu giáo dục phổ thông vùng DTTS.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình phát triển NLNNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc.

4. Giả thuyết khoa học

Thực tế cho thấy công tác đào tạo giáo viên trong các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc có đặc thù riêng với tỷ lệ cao SVDTTTS, tuy nhiên còn tồn tại nhiều bất cập về chương trình và quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nhằm phát triển NLNNGV cho SVDTTTS. Do đó, nếu xây dựng được chương trình đào tạo mang tính mở với các chuyên đề tự chọn dành cho SVDTTTS sẽ nâng cao được chất lượng phát triển NLNNGV cho SVDTTTS.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận phát triển NLNNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học.

5.2. Đánh giá thực trạng phát triển NLNNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc.

5.3. Đề xuất các biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc.

5.4. Thực nghiệm biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Giới hạn về nội dung: Trong đề tài luận án này chúng tôi nghiên cứu phát triển NLNNGV phổ thông, trong đó tập trung vào phát triển NLSP cho SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc.

Giới hạn khách thể khảo sát:

Khảo sát 450 SVDTTTS; 180 giảng viên và cán bộ quản lý ở 4 trường đại học (Trường đại học Sư phạm Thái Nguyên, Trường đại học Tân Trào; Trường đại học Hùng Vương; Trường đại học Tây

Bắc); 150 giáo viên và cán bộ quản lý ở các trường phổ thông thuộc khu vực miền núi phía Bắc.

7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu

Quan điểm tiếp cận năng lực; Quan điểm tiếp cận hệ thống - cấu trúc; Quan điểm tiếp cận thực tiễn, v.v...

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi; Phương pháp quan sát; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp thực nghiệm sư phạm.

7.2.3. Nhóm phương pháp hỗ trợ

Sử dụng công thức toán thống kê với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 26.0 để xử lý số liệu nghiên cứu.

8. Luận điểm bảo vệ

NLNGV là tổ hợp những hành động sư phạm phù hợp với yêu cầu của nghề dạy học đặt ra. Quá trình hình thành và phát triển NLNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học được tiến hành dựa trên cấu trúc NLNGV và đặc điểm của SVDTTTS, với mục tiêu, nội dung và con đường đa dạng, phong phú, đồng thời chịu sự tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan.

Thực trạng NLNGV của SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc còn hạn chế; quá trình phát triển NLNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc còn tồn tại nhiều bất cập và chịu ảnh hưởng của năng lực sư phạm nhà trường và các yếu tố xã hội.

Các biện pháp phát triển NLNGV cho SVDTTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc cần triển khai phải xuất phát từ phát triển chương trình dạy học, biên soạn tài liệu, học liệu có tính hỗ trợ đặc thù cho SVDTTTS; đồng thời phát triển môi trường học tập đa dạng cho SVDTTTS trong mối quan hệ giữa trường đại học với trường phổ thông và khai thác các thế mạnh của khoa học công nghệ nhằm giúp sinh viên phát triển NLNGV tốt nhất.

9. Câu hỏi nghiên cứu

10. Đóng góp mới của luận án

Xây dựng cơ sở lý luận phát triển NLNGV cho SVDTTTS giúp các trường đại học có đào tạo giáo viên là người dân tộc thiểu số

nghiên cứu, vận dụng trong quá trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp hiện nay.

Khái quát hoá những hạn chế về NLNNGV của SVDTTS và những bất cập trong quá trình phát triển NLNNGV cho SVDTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc giúp các trường khắc phục những hạn chế nêu trên trong quá trình đào tạo giáo viên là người DTTS.

Đề xuất các biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTS ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc giúp các trường có thể tham khảo, vận dụng để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên là người DTTS.

11. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, luận án bao gồm 3 chương.

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN CHO SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu năng lực nghề nghiệp của người giáo viên

1.1.2. Những nghiên cứu về phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên

1.1.3. Những nghiên cứu về phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học

1.1.4. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu vấn đề

(1) Các công trình đã nghiên cứu theo các hướng sau

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã xác định NLNNGV theo các tiếp cận khác nhau như theo mối quan hệ của người giáo viên; lĩnh vực hoạt động và nhiệm vụ của giáo viên; đòi hỏi của sự phát triển xã hội và mục tiêu đặc thù trong đào tạo giáo viên; theo yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông.v.v...

Một số công trình khác đã nghiên cứu và chỉ ra các giải pháp phát triển NLNNGV trong đó quan tâm nhiều tới tính thực hành gắn

với môi trường thực tiễn giáo dục phổ thông, đồng thời cũng quan tâm tới vai trò, trách nhiệm của các lực lượng, chủ thể khác nhau trong quá trình phát triển NLNNGV.

(2) Các vấn đề còn bỏ ngỏ chưa được giải quyết và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Trong công tác đào tạo giáo viên ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc cần đặc biệt quan tâm làm rõ những đặc điểm riêng của SVDTTT, khung NLNNGV cần phát triển cho SVDTTT, cũng như các biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTT. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước còn bỏ ngỏ, chưa được giải quyết được vấn đề này.

Chính vì vậy luận án tập trung nghiên cứu làm rõ các vấn đề sau: đặc điểm của SVDTTT, khung NLNNGV cần phát triển cho SVDTTT nguyên tắc, mục tiêu, nội dung, con đường phát triển NLNNGV cho SVDTTT; thực trạng NLNNGV của SVDTTT và thực trạng quá trình phát triển NLNNGV cho SVDTTT; xây dựng các biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTT.

(3) Những vấn đề có thể kế thừa từ các công trình nghiên cứu

Để có cơ sở giải quyết các vấn đề mà luận án tập trung nghiên cứu chúng tôi kế thừa các khái niệm, các tiếp cận phát triển NLNNGV, kế thừa chuẩn NLNNGV phổ thông và lý luận về đặc điểm của người giáo viên vùng dân tộc thiểu số.

1.2. Các khái niệm công cụ

1.2.1. Nghề nghiệp

Chúng tôi quan niệm “*Nghề nghiệp là một lĩnh vực lao động nảy sinh và tồn tại cùng với sự phát triển của xã hội, được sự thừa nhận của xã hội, đem lại cho cá nhân và xã hội những phương tiện và giá trị để tồn tại và phát triển.*”

1.2.2. Năng lực, năng lực nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp giáo viên

1.2.2.1. Năng lực

Chúng tôi quan niệm “*Năng lực là tổ hợp những hành động vật chất và tinh thần được hình thành trên nền tảng của hệ thống những tri thức, kỹ năng đã tích lũy được cùng với những phẩm chất*

và thái độ của cá nhân đảm bảo cho cá nhân thực hiện có hiệu quả một lĩnh vực hoạt động nhất định.”

1.2.2.2. Năng lực nghề nghiệp

Từ những cơ sở trên, chúng tôi quan niệm “Năng lực nghề nghiệp là tổ hợp những hành động phù hợp với yêu cầu của nghề đó đặt ra; nó được hình thành trên nền tảng hệ thống tri thức và kỹ năng nghề cùng với những phẩm chất nghề nghiệp đảm bảo cho cá nhân thực hiện có hiệu quả những yêu cầu của lĩnh vực nghề nghiệp đó.”

1.2.2.3. Năng lực nghề nghiệp giáo viên

Trên cơ sở những quan niệm về năng lực, năng lực nghề nghiệp và những vấn đề trên, chúng tôi quan niệm “Năng lực nghề nghiệp giáo viên là tổ hợp những hành động sư phạm của người giáo viên đảm bảo cho họ thực hiện có hiệu quả những yêu cầu của nghề nghiệp giáo viên; nó được hình thành trên nền tảng của hệ thống tri thức, kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cùng với những giá trị và phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên.”

1.2.3. Phát triển năng lực nghề nghiệp và phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

1.2.3.1. Phát triển năng lực nghề nghiệp

Từ những vấn đề trên, chúng tôi quan niệm “Phát triển NLNN là một quá trình tổ chức có kế hoạch các hoạt động đặc trưng nhằm chuyển hoá những tri thức, những kỹ năng và giá trị nghề nghiệp của xã hội thành NLNN của cá nhân.”

1.2.3.2. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Với những tiếp cận nghiên cứu như trên, chúng tôi quan niệm “Phát triển NLNGV cho SVDTTTS là quá trình tổ chức có kế hoạch các dạng hoạt động đào tạo phù hợp với đặc trưng của SVDTTTS và những yêu cầu của giáo dục vùng DTTS nhằm chuyển hoá những tri thức, những kỹ năng và những giá trị nghề nghiệp giáo viên thành NLNGV của SVDTTTS.”

1.2.4. Sinh viên dân tộc thiểu số

Từ những vấn đề trên có thể định nghĩa “Sinh viên dân tộc thiểu số là những sinh viên xuất thân từ các dân tộc chiếm số ít so với dân tộc chiếm số đông nhất trong một nước có nhiều dân tộc.”

Ở Việt Nam, những sinh viên không xuất thân từ dân tộc Kinh (xuất thân từ một trong 53 dân tộc còn lại) được xem là SVDTTTS.

1.3. Năng lực nghề nghiệp giáo viên của sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học

1.3.1. Một số đặc điểm của sinh viên dân tộc thiểu số

Sinh viên dân tộc thiểu số đa phần sử dụng được song ngữ (tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông) hoặc đa ngữ.

Sinh viên dân tộc thiểu số không chỉ hiểu sâu sắc văn hoá dân tộc mình mà còn mang trong mình màu sắc đa văn hoá.

Ở phía Bắc hầu hết dân tộc thiểu số sống ở vùng núi, vùng cao với những điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho hoạt động đi lại và lao động sản xuất; điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Những yếu tố đó cũng ảnh hưởng và tạo nên những nét riêng trong nhân cách của người dân tộc thiểu số đó là tính cần cù, ý chí kiên cường không ngại khó khăn, tính tương trợ giúp đỡ lẫn nhau và những nét mộc mạc trong nhân cách, v.v... Đó cũng là những đặc điểm độc đáo trong nhân cách của sinh viên dân tộc thiểu số.

1.3.2. Khung năng lực nghề nghiệp giáo viên của sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học

1.3.2.1. Cơ sở xác định

1.3.2.2. Khung năng lực nghề nghiệp giáo viên của sinh viên dân tộc thiểu số

Khung NLNNGV của SVDTTTS được xác định như sau:

Phẩm chất và giá trị nghề nghiệp: Tình yêu nghề, yêu học sinh; niềm tin sư phạm; lương tâm và trách nhiệm nghề nghiệp; lòng khoan dung; lạc quan; công bằng, v.v...

Nhóm năng lực khoa học chuyên ngành: Năng lực chuyên sâu về khoa học chuyên ngành; Năng lực làm chủ tri thức môn học giảng dạy; Năng lực nghiên cứu khoa chuyên ngành; Năng lực vận dụng và liên hệ tri thức khoa học chuyên ngành trong thực tiễn giáo dục vùng DTTS; Năng lực tích hợp tri thức khoa học liên môn.

Nhóm năng lực sư phạm: Năng lực dạy học phù hợp với học sinh DTTS; Năng lực giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục là

người DTTS; Năng lực xây dựng môi trường giáo dục vùng DTTS; Năng lực phát triển cá nhân; Năng lực sử dụng tiếng dân tộc hoặc ngoại ngữ và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học, giáo dục; Năng lực công tác xã hội vùng DTTS.

1.4. Vấn đề phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số ở trường đại học

1.4.1. Ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Giúp SVDTTS thực hiện các nội dung học tập, rèn luyện để đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên sau khi tốt nghiệp; Thực hiện chính sách công bằng trong giáo dục đào tạo, đảm bảo chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong đào tạo giáo viên; Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên là người DTTS từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường; Giúp SVDTTS sau khi tốt nghiệp tự tin bước vào thế giới nghề nghiệp, thích ứng với những yêu cầu của nghề đặt ra.

1.4.2. Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và các con đường phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

1.4.2.1. Mục tiêu phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Mục tiêu phát triển năng lực nghề nghiệp cho SVDTTS không tách rời mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách người giáo viên tương lai, đồng thời nhằm nâng cao chất lượng đạt chuẩn năng lực đầu ra của SVDTTS đáp ứng các yêu cầu của giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số.

1.4.2.2. Nguyên tắc phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Đảm bảo phù hợp với đặc điểm riêng của sinh viên dân tộc thiểu số; Đáp ứng được những yêu cầu của giáo dục vùng dân tộc thiểu số; Đảm bảo sự phối hợp với các lực lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số.

1.4.2.3. Nội dung phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Phát triển những giá trị và phẩm chất nghề nghiệp giáo viên

Phát triển những giá trị và phẩm chất nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên là một nội dung quan trọng trong quá trình phát triển NLNNGV cho sinh viên.

Phát triển năng lực chuyên môn/khoa học chuyên ngành: Phát triển hệ thống tri thức về khoa học chuyên ngành; Phát triển hệ thống kỹ năng tương ứng trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành; Phát triển các phẩm chất, thái độ đối với lĩnh vực khoa học chuyên ngành.

Phát triển năng lực sư phạm: Phát triển hệ thống tri thức sư phạm làm cơ sở, công cụ; phát triển những kỹ năng và năng lực thực hiện hoạt động sư phạm.

1.4.2.4. Con đường phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Phát triển NLNNGV cho SVDTTTS qua tổ chức các hoạt động dạy học; qua tổ chức hoạt động thực tế chuyên môn ở trường phổ thông; qua tổ chức các hoạt động thực hành và hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; qua tổ chức các hoạt động thực tập; qua tổ chức các hoạt động Đoàn, Hội.

1.4.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

1.4.3.1. Yếu tố khách quan

Chương trình đào tạo là yếu tố chi phối toàn bộ quá trình đào tạo, chi phối hoạt động của giảng viên và sinh viên.

Điều kiện cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo là yếu tố không thể thiếu và có ảnh hưởng tới mọi mặt của quá trình đào tạo, tới hoạt động học tập, rèn luyện phát triển NLNNGV.

1.4.3.2. Yếu tố chủ quan

Giảng viên với năng lực nghề nghiệp; đạo đức, tác phong, phong cách khi lên lớp; thói quen trong lao động trí tuệ, v.v... có ảnh

hưởng sâu sắc và lâu dài tới toàn bộ quá trình học tập và rèn luyện NLNNGV của sinh viên nói chung, SVDTTTS nói riêng.

Cán bộ quản lý với nhận thức của họ về vấn đề phát triển NLNNGV cũng là một trong những yếu tố chủ quan có ảnh hưởng gián tiếp tới quá trình phát triển NLNNGV cho SVDTTTS.

Nhận thức, tính tích cực hoạt động và phương pháp học tập và những đặc điểm riêng của SVDTTTS là những yếu tố trực tiếp tác động tới quá trình phát triển NLNNGV của SVDTTTS.

Kết luận chương 1

NLNNGV và phát triển NLNNGV được các nhà khoa học nghiên cứu với những góc độ, tiếp cận khác nhau, những công trình nghiên cứu về vấn đề này đã để lại những giá trị khoa học và nhân văn, có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn. Song, những nghiên cứu về đặc điểm của SVDTTTS; cấu trúc NLNNGV cần phát triển cho SVDTTTS; mục tiêu, nội dung, nguyên tắc và con đường phát triển NLNNGV cho SVDTTTS; và những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển NLNNGV cho sinh viên là cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu thực trạng và xây dựng các biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTTS.

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN CHO SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

2.1. Những vấn đề chung về khảo sát thực trạng

2.1.1. *Khái quát về các trường đại học ở khu vực miền núi phía Bắc*

Ở khu vực miền núi phía Bắc có 4 trường đại học có đào tạo giáo viên là: Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; Đại học Tân Trào; Đại học Hùng Vương; Đại học Tây Bắc; các trường đều đã kiểm định và đạt chất lượng kiểm định giáo dục đại học. Đây là các trường có tỉ lệ cao sinh viên dân tộc thiểu số.

2.1.2. Tổ chức khảo sát thực trạng

2.2. Thực trạng năng lực nghề nghiệp giáo viên của sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc

2.2.1. Thực trạng năng lực dạy học của sinh viên dân tộc thiểu số

2.2.2. Thực trạng năng lực giáo dục của sinh viên dân tộc thiểu số

2.2.3. Thực trạng các năng lực nghiệp vụ sư phạm khác của sinh viên dân tộc thiểu số

2.2.4. Đánh giá chung về năng lực nghề nghiệp giáo viên của sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc

Bảng 2.4. Thực trạng NLNNGV của SVDTTs

Các nhóm năng lực nghề nghiệp giáo viên	Tỷ lệ % tự đánh giá theo mức độ				Tổng điểm	Điểm trung bình
	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
Phẩm chất và giá trị nghề nghiệp	0.00	0.94	6.61	92.44	4423.5	2.46
Năng lực khoa học chuyên ngành	0.00	7.56	77.22	15.22	3669	2.04
Năng lực dạy học	16.79	35.62	26.69	20.91	8705	1.76
Năng lực giáo dục	19.98	37.88	28.12	14.02	6808	1.68
Năng lực xây dựng môi trường giáo dục	27.78	36.74	22.22	13.26	2166.5	1.60
Năng lực phát triển cá nhân	5.72	51.94	34.17	8.17	3103	1.72
Năng lực sử dụng tiếng dân tộc hoặc ngoại ngữ và năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học, giáo dục	0.00	46.15	46.96	6.89	2435	1.80
Năng lực công tác xã hội	13.44	70.56	10.89	5.11	1384.5	1.54
Tổng hợp					32694.5	1.82

Kết quả tổng hợp ở bảng trên cho thấy ngoài nhóm phẩm chất và giá trị nghề nghiệp giáo viên có điểm trung bình cận tốt (2.46/2.50); nhóm năng lực khoa học chuyên ngành có điểm trung bình ở mức khá (2.04), còn lại các nhóm năng lực nghiệp vụ sư phạm có điểm trung bình chung ở cận trên mức trung bình (từ 1.54 đến 1.80); Điểm trung bình chung tổng hợp cũng ở cận trên mức trung bình (1.82).

2.3. Thực trạng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc

2.3.1. Thực trạng nhận thức của sinh viên, giảng viên và giáo viên phổ thông về phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

2.3.1.1. Nhận thức của sinh viên

Nội dung phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên được sinh viên xếp thứ bậc 1 - thứ bậc quan trọng nhất trong quá trình được đào tạo để trở thành người giáo viên, song chỉ có 27.3% sinh viên có nhận thức đúng và đầy đủ về cấu trúc khái quát của NLNNGV và hầu hết sinh viên chỉ nêu được một số năng lực nổi trội.

2.3.1.2. Nhận thức của giảng viên và cán bộ quản lý về ý nghĩa của phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Giảng viên và cán bộ quản lý ở các trường đại học có sự thống nhất cao trong nhận thức và đã nhận thức đúng về ý nghĩa phát triển NLNNGV cho SVDTTS. Đó là nhân tố thuận lợi để tổ chức các hoạt động phát triển NLNNGV cho SVDTTS.

2.3.1.3. Nhận thức của giáo viên và cán bộ quản lý ở các trường phổ thông khu vực miền núi phía Bắc

Giáo viên và cán bộ quản lý ở các trường phổ thông khu vực miền núi phía Bắc đã nhận thức sự cần thiết phát triển cho SVDTTS những năng lực nghề nghiệp đặc thù và sự cần thiết của liên kết giữa trường phổ thông vùng dân tộc thiểu số với trường đại học trong phát triển NLNNGV cho SVDTTS.

2.3.2. Thực trạng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc

2.3.2.1. Tác động sự phạm của chương trình đào tạo và cơ sở vật chất

Kết quả khảo sát ở bảng 2.8a (chi tiết trong luận án) cho thấy hầu như không có mục tiêu và chuẩn đầu ra đặc trưng phù hợp với sinh viên DTTS trong chương trình đào tạo cũng như trong đề cương môn học; tương ứng cũng không có học phần/chuyên đề tự chọn hoặc nội dung tích hợp dành cho sinh viên DTTS. Những nội dung khác có kết quả khá tương đồng với kết quả nghiên cứu sản phẩm như có rất ít môn học có nội dung thực tế chuyên môn, thậm chí có chương trình còn không có nội dung thực tế chuyên môn ở trường phổ thông.

Kết quả khảo sát cho thấy các điều kiện về học liệu và cơ sở vật chất được đánh giá cao, song sự hỗ trợ về mặt môi trường cơ sở vật chất cho sinh viên DTTS chưa thật sự tốt (với điểm đánh giá 2.87).

2.3.2.2. Tác động của các hoạt động đào tạo

Bảng 2.9a. Mức độ phù hợp của các hoạt động sự phạm tới quá trình phát triển NLNGV cho SVDTTTS

Các hoạt động đào tạo	Đánh giá	
	$\bar{X}$	Thứ bậc
Hoạt động dạy học		
1. Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học của giảng viên được thiết kế và thực hiện theo tiếp cận hình thành và phát triển NLNGV cho sinh viên.	2.80	1
2. Phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên phù hợp với đánh giá năng lực nghề nghiệp.	2.78	2
3. Có sự cộng tác của giáo viên phổ thông người DTTS trong quá trình dạy học cho sinh viên DTTS	1.23	7
Hoạt động thực tế chuyên môn và thực tập sự phạm		
4. Sinh viên dân tộc thiểu số được thực tế chuyên môn và thực tập sự phạm ở trường phổ thông vùng DTTS	2.15	4

Các hoạt động đào tạo	Đánh giá	
	$\bar{X}$	Thứ bậc
5. Sinh viên dân tộc thiểu số được thực tế chuyên môn nhiều lần ở trường phổ thông (hoặc ở địa phương) vùng DTTS	1.17	9
Hoạt động thực hành và rèn luyện NVSP thường xuyên		
6. Có sự tham gia của giáo viên phổ thông trong quá trình xây dựng kế hoạch, chương trình hướng dẫn sinh viên thực hành và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	1.2	8
7. Có sự tham gia của giáo viên phổ thông vùng DTTS trong quá trình hướng dẫn sinh viên thực hành và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	1.14	10
8. Sinh viên DTTS được rèn những năng lực đặc thù phù hợp với yêu cầu giáo dục vùng DTTS	2.04	6
Hoạt động Đoàn, Hội		
9. Sinh viên DTTS được tham gia các hoạt động tình nguyện ở trường phổ thông (hoặc địa phương) vùng dân tộc thiểu số	2.10	5
10. Có câu lạc bộ đặc trưng cho sinh viên DTTS (câu lạc bộ ngôn ngữ DTTS, câu lạc bộ văn hoá DTTS, câu lạc bộ trò chơi dân gian vùng DTTS,v.v...)	2.18	3

Ghi chú: Điểm cao nhất = 5, điểm thấp nhất = 1, ĐTB cao thể hiện mức độ đồng ý cao với yếu tố tác động.

Kết quả ở bảng 2.9a (chi tiết trong luận án) cho thấy các nội dung “Có sự cộng tác của giáo viên phổ thông người DTTS trong quá trình dạy học; xây dựng kế hoạch, chương trình và hướng dẫn sinh viên thực hành và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên” có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển NLNNGV cho SVDTTS song lại hầu như không được quan tâm trong quá trình đào tạo.

Các nội dung khác cũng có điểm trung bình khá thấp, điều đó có nghĩa là tính đặc thù về mặt năng lực nghề nghiệp của người giáo

viên DTTS, cũng như những yêu cầu của giáo dục vùng DTTS chưa được quan tâm thỏa đáng trong quá trình phát triển NLNNGV cho SVDTTS ở các trường đại học.

Tuy nhiên, một số ý kiến khác của giảng viên cho rằng mặc dù chương trình đào tạo chưa chú ý xây dựng các học phần/chuyên đề tự chọn dành cho SVDTTS nhưng mấy năm gần đây nhà trường có phát triển chương trình bổ trợ kiến thức, kỹ năng cho sinh viên DTTS như Trường ĐHSP – ĐHTN, có các câu lạc bộ bổ trợ kiến thức cho SVDTTS như Trường Đại học Tây Bắc.

2.3.2.3. Các hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên của sinh viên dân tộc thiểu số

Hoạt động học tập, rèn luyện phát triển NLNNGV của sinh viên DTTS có sự khác biệt nhất định giữa sinh viên năm thứ 2 và sinh viên năm thứ 4, song nhìn chung đều tồn tại những hạn chế nhất định về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức học tập. Hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động thực tế chuyên môn ở trường phổ thông chưa được sinh viên DTTS chú ý đúng mức. Qua hoạt động thực hành và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, sinh viên DTTS đã tích cực rèn luyện những kỹ năng sư phạm cơ bản, song chưa chú ý tới tính toàn diện trong cấu trúc NLNNGV. Mặc dù sinh viên tích cực tham gia các hoạt động Đoàn, Hội song phần nhiều SVDTTS chưa phát triển được năng lực tổ chức các hoạt động mà chỉ dừng lại ở việc hưởng ứng, tham gia.

2.3.2.4. Đánh giá chung về thực trạng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc

Kết luận chương 2

Các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc có tỉ lệ cao sinh viên là người DTTS, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của việc phát triển NLNNGV cho SVDTTS, song chương trình đào tạo thiếu tính đặc thù và chưa phù

hợp với việc phát triển NLNNGV cho SVDTTTS. Từ việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra, đề cương môn học đến các hoạt động đào tạo đều thiếu sự quan tâm tới đối tượng SVDTTTS. Các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện của sinh viên chưa khoa học. Do đó thực trạng NLNNGV của SVDTTTS chỉ đạt được ở cận trên mức độ trung bình.

Chương 3

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN CHO SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

Phải đảm bảo mục tiêu của giáo dục đại học; đảm bảo tính đối tượng, tính thực tiễn, tính hệ thống, kế thừa và phát triển, tính khả thi và tính hiệu quả.

3.2. Biện pháp phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

3.2.1. Biện pháp 1: Phát triển chương trình dạy học dành cho sinh viên dân tộc thiểu số theo hướng mở dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình

i) Mục tiêu của biện pháp

Tạo cơ hội để sinh viên DTTS có thể học theo năng lực và học theo nhu cầu đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên và CĐR của chương trình đào tạo giáo viên và đặc biệt là sinh viên có đủ năng lực để thích ứng với môi trường lao động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

ii) Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Mỗi mô đun học phần cần được xác định CĐR của học phần hay hệ thống các năng lực cần hướng tới của sinh viên DTTS.

Bổ sung vào chương trình dạy học các học phần tự chọn phù hợp với đặc điểm của SVDTTTS và những yêu cầu của giáo dục vùng DTTS; tổ chức giảng dạy đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên DTTS.

Giảng viên cần thiết kế và tổ chức có hiệu quả các học phần tự chọn dành cho sinh viên DTTS theo chuẩn năng lực đã xác định cần đạt ở sinh viên người dân tộc.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế chuyên môn gắn với môi trường hành nghề của sinh viên sau tốt nghiệp.

iii) Điều kiện thực hiện biện pháp

Khoa quản lý chương trình đào tạo cần thảo luận xây dựng CĐR đối với SVDTTS; xác định các học phần tự chọn dành cho SVDTTS.

Nhóm giảng viên phải nghiên cứu để nắm vững đặc điểm của SVDTTS, đặc điểm văn hoá xã hội vùng DTTS.

Sinh viên DTTS cần tích cực học tập và phản hồi với giảng viên trong quá trình tương tác dạy học.

3.2.2. Biện pháp 2: Biên soạn hệ thống học liệu, tài liệu phục vụ giảng dạy các chuyên đề và học phần tự chọn dành cho sinh viên dân tộc thiểu số theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp

i) Mục tiêu của biện pháp

Biên soạn hệ thống học liệu, tài liệu phục vụ giảng dạy các chuyên đề và học phần tự chọn dành cho SVDTTS theo tiếp cận năng lực giúp cho việc giảng dạy, học tập theo đúng mục tiêu, nội dung phát triển chương trình dạy học cho SVDTTS; giúp sinh viên DTTS có thể tự học theo hướng dẫn của giảng viên để đạt CĐR học phần tự chọn để hoàn thiện nhân cách người giáo viên vùng núi, vùng DTTS.

ii) Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Dựa vào chương trình dạy học tự chọn dành cho SVDTTS, giảng viên phối hợp với đồng nghiệp để biên soạn, thiết kế danh mục tài liệu, học liệu phục vụ giảng dạy chuyên đề học phần tự chọn.

Tổ chức seminar chuyên đề tự chọn để xây dựng khung tài liệu, học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của SVDTTS. Khi tổ chức seminar các chuyên đề này tổ chuyên môn, khoa chuyên môn nên mời các giáo viên vùng núi, vùng DTTS tham gia để họ có những đóng góp từ thực tiễn giúp cho tài liệu có ý nghĩa hơn.

Lựa chọn giảng viên có năng lực xây dựng học liệu, tài liệu phục vụ giảng dạy các học phần giảng dạy tự chọn dành cho SVDTTS.

Cách thực hiện:

Giảng viên phải thực hiện sơ đồ hóa giữa đề cương chi tiết tài liệu với CĐR của học phần để biên soạn giáo trình, đề cương bài giảng cho đúng, đủ và thu hút người học tự học, tự nghiên cứu.

Cần dựa trên CĐR để biên soạn nhằm thể hiện được những đơn vị kiến thức, kỹ năng đáp ứng CĐR học phần cho sinh viên DTTS. Giảng viên có thể cụ thể hóa CĐR mô đun chuyên đề tự chọn thành những năng lực thành phần và thiết kế hoạt động học cho sinh viên theo những năng lực thành phần.

iii) Điều kiện thực hiện biện pháp

Giảng viên xây dựng học liệu phải là người có năng lực thiết kế, biên soạn học liệu, tài liệu; có kinh nghiệm thâm nhập thực tiễn giáo dục phổ thông vùng DTTS; có phương pháp tiếp cận và am hiểu đặc điểm của học sinh và SVDTTTS.

Khi biên soạn tài liệu giảng dạy GV cần phải quán triệt CĐR của chuyên đề trong suốt quá trình biên soạn tài liệu cũng như thiết kế hệ thống câu hỏi kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được ở sinh viên.

3.2.3. Biện pháp 3: Đa dạng môi trường học tập phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số ở các trường đại học

i) Mục tiêu của biện pháp

Đa dạng môi trường học tập phát triển NLNNGV cho sinh viên ở trường đại học nhằm giúp sinh viên có nhiều cơ hội học tập, rèn luyện để phát triển NLNN theo chuẩn đã xác định.

ii) Nội dung và cách thực hiện

Tổ chức phát triển NLNN cho sinh viên thông qua giảng dạy trên lớp; qua hoạt động thực tế chuyên môn ở trường phổ thông; qua hoạt động thực hành ở trường đại học và rèn luyện NVSP thường xuyên; qua hoạt động thực tập sư phạm; qua hoạt động tình nguyện của sinh viên ở trường phổ thông; qua hoạt động câu lạc bộ của Đoàn, Hội.

iii) Điều kiện thực hiện

Giảng viên giảng dạy phải có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm giỏi, am hiểu về tâm lý sinh viên dân tộc; Giáo viên phổ thông hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tế phải có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm giỏi; Cần có cơ chế phối hợp giữa trường đại học với trường phổ thông trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực hành, thực tế cho sinh viên; Cán bộ Đoàn, Hội của trường cần đa dạng hóa các hoạt động của sinh viên theo hướng rèn NLNN; Sinh viên cần tự giác, tích cực tự tập luyện, rèn luyện và tham gia các hoạt động đa dạng để phát triển NLNN.

3.2.4. Biện pháp 4. Phối hợp giữa trường đại học với trường phổ thông và các bên liên quan trong phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

i) Mục tiêu của biện pháp

Phối hợp giữa trường sư phạm với trường phổ thông và các bên liên quan trong phát triển NLNNGV cho SVDTTS nhằm tạo môi trường học tập, rèn luyện phát triển nghề nghiệp cho sinh viên, phát huy tiềm năng và nguồn lực trong đào tạo sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, khai thác trường phổ thông như là giảng đường thứ 2 để đào tạo sinh viên.

ii) Nội dung và cách thực hiện

Phối hợp giữa trường sư phạm với trường phổ thông và các bên liên quan trong phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên người dân tộc thiểu số trong tổ chức giảng dạy trên lớp; qua hoạt động thực tế chuyên môn ở trường phổ thông; qua hoạt động thực hành ở trường sư phạm và rèn luyện NVSP thường xuyên; qua hoạt động thực tập sư phạm; qua hoạt động tình nguyện của sinh viên ở trường phổ thông;

iii) Điều kiện thực hiện

Đối với trường đại học: Xây dựng mạng lưới liên kết, cơ chế phối hợp bền vững, hợp tác thân thiện với các trường phổ thông và các bên liên quan.

Đối với trường phổ thông và các bên liên quan: Coi trọng công tác phối hợp với trường đại học như một nhiệm vụ nghề nghiệp.

Sinh viên cần phát huy vai trò tích cực, chủ động trong quá trình thực tế, thực tập, cần thực hành tiếp cận giúp đỡ học sinh DTTS học tập, rèn luyện để trải nghiệm những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đã học ở trường đại học.

3.2.5. Biện pháp 5: Kết hợp phương thức đào tạo trực tiếp với chuyển đổi số trong phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số

i) Mục tiêu của biện pháp

Kết hợp phương thức đào tạo trực tiếp với chuyển đổi số nhằm khai thác tối đa lợi ích của công nghệ số mang lại; thực hiện phân

hoá trình độ, đặc điểm của sinh viên trong quá trình đào tạo, đồng thời hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển NLNN của sinh viên.

ii) Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Nội dung kết hợp đào tạo trực tiếp với chuyển đổi số nhằm phát triển NLNN cho sinh viên bao gồm các bước:

Bước 1. Xác định mục tiêu phát triển năng lực nghề nghiệp ứng với những nội dung cụ thể trong học phần/chuyên đề, đồng thời phải chỉ rõ các nhiệm vụ mà người học phải thực hiện để đạt được mục tiêu.

Bước 2. Xác định nội dung tương tác trực tiếp trên lớp và nội dung chuyển đổi số

Bước 3. Xác định và chuẩn bị nền tảng công nghệ số và cơ sở vật chất

Bước 4. Xây dựng kế hoạch dạy học trực tiếp kết hợp chuyển đổi số

Bước 5. Số hoá thông tin - xây dựng học liệu số

Bước 6. Số hoá quy trình: Số hoá quy trình là quá trình sử dụng các nền tảng công nghệ phù hợp (zoom, teams, zalo, meet, padlet, quizizz, v.v...) để tương tác với sinh viên.

Bước 7. Thực hiện kế hoạch dạy học trực tiếp kết hợp chuyển đổi số

Bước 8. Tổng kết, đánh giá quá trình đào tạo

iii) Điều kiện thực hiện biện pháp

Nhà trường phải chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng công nghệ; Giảng viên phải phát triển các kỹ năng sử dụng công nghệ số của bản thân; Sinh viên phải không ngừng nâng cao năng lực khai thác và sử dụng công nghệ số; chuẩn bị những thiết bị công nghệ tối thiểu cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của nhà trường.

3.2.6. *Mối quan hệ giữa các biện pháp*

Các biện pháp này có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau; do đó cần triển khai đồng bộ các biện pháp.

3.3. *Thăm dò về tính khả thi của các biện pháp phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số*

3.3.1. *Tổ chức thăm dò ý kiến*

3.3.2. *Kết quả thăm dò ý kiến*

Qua số liệu ở bảng 3.1 (chi tiết trong luận án) cho thấy các biện pháp đã đề xuất đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả.

3.4. Thực nghiệm ứng dụng một số biện pháp đã đề xuất

3.4.1. Khái quát về thực nghiệm

3.4.2. Kết quả thực nghiệm sư phạm

3.4.2.1. Đánh giá định lượng

Bảng 3.5. Tương quan đạt điểm trung bình các chuẩn NLNN đầu ra của học phần Giáo dục học giữa nhóm TN và nhóm ĐC

Nhóm năng lực	Nhóm	Tương quan nhóm SVDTTT		Tương quan chuyên	
		Điểm trung bình	Độ lệch điểm trung bình	Điểm trung bình	Độ lệch điểm trung bình
DH	TN	7.05	0.714	7.24	0.547
	ĐC	6.33		6.70	
GD	TN	6.67	0.571	6.96	0.421
	ĐC	6.10		6.53	
MTGD	TN	6.90	0.619	7.31	0.660
	ĐC	6.29		6.65	
PTCN	TN	6.67	0.762	6.96	0.490
	ĐC	5.90		6.47	
NN-CNTT	TN	7.48	0.762	7.84	0.914
	ĐC	6.71		6.93	
CTXH	TN	6.29	0.762	6.53	0.533
	ĐC	5.52		6.00	

Số liệu ở bảng trên cho thấy biểu hiện chung về độ lệch điểm trung bình giữa nhóm TN và nhóm ĐC đạt điểm thấp nhất ở nhóm năng lực giáo dục (0.421), cao nhất ở nhóm năng lực ngôn ngữ - công nghệ thông tin (0.914). Điều đó có nghĩa là biện pháp đã tác động hiệu quả ở tất cả các nhóm năng lực tương ứng với chuẩn đầu ra của học phần Giáo dục học, song tác động mạnh nhất ở nhóm năng lực ngôn ngữ - công nghệ thông tin. Tuy nhiên, với nhóm SVDTTT những tác động có phần đồng đều và hiệu quả hơn với độ lệch trung bình là 0.698 so với độ lệch chung là 0.594.

Tương quan điểm trung bình học phần giữa SVDTTS và SVDT KINH trong các nhóm TN và ĐC:

Bảng 3.6. Tương quan điểm trung bình học phần giữa SVDT TS và SVDT Kinh

Nhóm		Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch điểm trung bình
TN	SVDT Kinh	24	7.21	0.542
	SVDT Thiếu số	21	6.67	
ĐC	SVDT Kinh	22	7.0	1.095
	SVDT Thiếu số	21	5.9	

Kết quả ở bảng 3.5 cho thấy độ lệch điểm trung bình trên toàn thang đo giữa SVDT thiếu số và SVDT Kinh trong nhóm thực nghiệm có độ lệch nhỏ hơn trong nhóm đối chứng. Điều đó chính tỏ biện pháp tác động đã rút ngắn khoảng cách về sự khác biệt về kết quả học tập giữa nhóm SVDT thiếu số và SVDT Kinh.

3.4.2.2. Đánh giá định tính

Qua quan sát hoạt động học tập và thực hành nghiệp vụ qua môn học, chúng tôi nhận thấy:

Ở lớp ĐC, sinh viên gặp nhiều khó khăn trong quá trình học tập; đặc biệt là sinh viên dân tộc thiểu số với tính rụt rè, sợ sai, ngại tương tác với giảng viên nên nhiều nội dung không hiểu sâu sắc bản chất; giảng viên cũng không có nhiều thông tin phản hồi về năng lực nhận thức và kỹ năng thực hành của sinh viên. Với thời lượng lên lớp hạn chế, giảng viên khó tổ chức hướng dẫn cũng như kiểm tra đánh giá năng lực thực hành của sinh viên.

Ở lớp TN, nhiều tồn tại của hình thức lên lớp trực tiếp được giải quyết. Những hạn chế về tính rụt rè của sinh viên DTTS đã được giải quyết thông qua các nhóm học tập đa dạng được quản lý bằng ứng dụng zalo - nội dung và tính tích cực tương tác trên nhóm là một tiêu chí đánh giá, do đó đã kích thích được tính tích cực chia sẻ, hợp tác của SVDTTS và những sinh viên khác. Thông qua nguồn học liệu số và những tương tác nhóm trực tuyến (online, offline) đã giải quyết được những khó khăn trong nhận thức của sinh viên. Cũng với sự hỗ trợ của công nghệ đã giải quyết được vấn đề hướng dẫn thực hành, và

kiểm tra đánh giá hoạt động thực hành của sinh viên qua các video bài giảng offline; video thực hành của sinh viên.

3.4.2.3. *Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm*

Kết quả thực nghiệm cho thấy việc vận dụng phối hợp biện pháp 1 và biện pháp 5 (*Biện pháp 1: Phát triển chương trình dạy học dành cho sinh viên dân tộc thiểu số theo hướng mở dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình; Biện pháp 5: Kết hợp phương thức đào tạo trực tiếp với chuyển đổi số trong phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên cho sinh viên dân tộc thiểu số*) đã đạt được hiệu quả, chứng minh được tính khoa học của giả thuyết và tính khả thi của các biện pháp trong phát triển NLNN giáo viên cho SVDTTT.

Kết luận chương 3

Dựa trên khung lý luận, phân tích để giải quyết các vấn đề thực tiễn chúng tôi đã xây dựng được 5 biện pháp phát triển NLNNGV cho SVDTTT ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc. Các biện pháp đã được các chuyên gia cho ý kiến khẳng định tính hiệu quả và tính khả thi, đồng thời với qua kết quả thực nghiệm một số biện pháp đã làm tăng thêm tính khoa học, tính khả thi và chứng minh được giả thuyết nâng cao được chất lượng phát triển NLNNGV cho SVDTTT.

Các biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển NLNNGV cho SVDTTT. Do đó, vận dụng đồng bộ tất cả các biện pháp sẽ phát huy tối ưu hiệu quả tác động của các biện pháp tới quá trình phát triển NLNNGV cho sinh viên DTTT.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. NLNNGV là một vấn đề được nhiều nhà khoa học nghiên cứu với những góc độ, tiếp cận khác nhau để lại nhiều giá trị khoa học cho công tác nghiên cứu và đào tạo giáo viên. Song, những nghiên cứu của chúng tôi về phát triển NLNNGV cho SVDTTT trong công trình luận án là một vấn đề mới có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

1.2. Kết quả nghiên cứu cho thấy không chỉ hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên tồn tại những hạn chế; mà cả chương trình và hoạt động đào tạo giáo viên cũng còn những hạn chế cần phải giải quyết như quan điểm tiếp cận phát triển chương trình đào tạo; CDR; chương trình môn học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

1.3. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi đã đề xuất được các biện pháp phát triển NLNNGV cho sinh viên DTTS và đã được khẳng định về tính hiệu quả và tính khả thi. Để áp dụng đại trà cần vận dụng phối hợp các biện pháp một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn.

2. Kiến nghị

2.1. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần xây dựng cơ chế pháp lý với sự giàng buộc trách nhiệm giữa các trường đào tạo giáo viên với các trường phổ thông nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi không chỉ đối với các nhà giáo dục mà cả với sinh viên và học sinh.

2.2. Với các trường đại học ở khu vực miền núi phía Bắc

Cần chú trọng phát triển chương trình đào tạo giáo viên theo hướng mở, định hướng phát triển NLNNGV và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên nói chung, sinh viên DTTS nói riêng.

Thường xuyên quan tâm tới vấn đề phát triển đội ngũ giảng viên; Liên kết chặt chẽ với trường phổ thông; Đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt hoạt động đào tạo của giảng viên, hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên.

2.3. Với các trường phổ thông

Cần coi trọng vấn đề liên kết với các trường đại học trong công tác đào tạo giáo viên; Tích cực cộng tác với giảng viên trong quá trình đào tạo giáo viên ở trường đại học; Tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên thực tế chuyên môn, thực tập sư phạm.

2.5. Với giảng viên và các nhà nghiên cứu

Tích cực tự bồi dưỡng và nghiên cứu nâng cao trình độ; nghiên cứu thực tiễn giáo dục phổ thông vùng DTTS; Tích cực đổi mới chương trình; đổi mới phương pháp và hình thức dạy học; đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập, quan tâm tới sinh viên là người DTTS.